



KINH NGHIỆM CỦA LÀO CAI TRONG ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN DẠY HỌC SONG NGỮ

ThS. DƯƠNG THANH HƯƠNG
 Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Dân tộc

1. Đặt vấn đề

Tại Điều 5, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã nêu rõ “Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và phát huy những truyền thống, văn hóa tốt đẹp của mình”, Chính phủ Việt Nam đã có những nỗ lực rất lớn để thực hiện điều này.

Lào Cai là một tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới, dân số 613.075 triệu người, có 25 dân tộc, dân tộc thiểu số 392.254 người, chiếm 64% dân số, trong đó dân tộc Mông có 137.649 người, tỉ lệ 22,21% so với dân số toàn tỉnh.

Dân tộc Mông có tiếng nói và chữ viết riêng. Do đặc điểm cư trú theo dòng tộc và thôn bản nên ngôn ngữ giao tiếp chủ yếu trong cộng đồng là tiếng Mông. Bộ chữ viết của dân tộc Mông được Chính phủ Việt Nam phê chuẩn năm 1961.

Tỉnh Lào Cai xác định giáo dục dân tộc thiểu số có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Nếu chất lượng giáo dục dân tộc thiểu số được cải thiện thì chất lượng giáo dục cả tỉnh sẽ được nâng lên. Trong giai đoạn 2006 - 2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã bổ sung những giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục dân tộc thiểu số, trong đó nghiên cứu thực hiện giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ được xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Đến nay, Lào Cai đã gặt hái được một số thành quả, trong đó về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy học song ngữ là một thành công đáng được ghi nhận.

2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy học song ngữ ở Lào Cai

Giáo viên dạy học song ngữ là người thành thạo hai ngôn ngữ đó là ngôn ngữ mẹ đẻ (tiếng Mông) và ngôn ngữ phổ thông (tiếng Việt); đã được đào tạo nghiệp vụ sư phạm; được tập huấn, hỗ trợ kĩ thuật về phương pháp dạy học song ngữ và các phương pháp dạy học tích cực khác, đảm bảo năng lực để dạy đúng thiết kế của nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ.

Giáo viên cần nắm được chương trình, nội dung; thiết kế sách giáo khoa theo chương trình giáo dục song ngữ và quy trình dạy học song ngữ theo từng dạng bài cụ thể; biết tổ chức các hoạt động học tập linh hoạt (hoạt động cá nhân/nhóm/tập trung/trò chơi...); trong bài giảng, sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học phù hợp với nội dung bài học, lứa tuổi học sinh và văn hóa dân tộc Mông.

Để có được đội ngũ giáo viên đạt những yêu cầu trên, Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai đã tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, coi đây là

khâu đột phá để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

2.1. Về công tác đào tạo

Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai đã xây dựng chiến lược và kế hoạch riêng về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cho nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ.

Với mục tiêu phát triển nguồn lực giáo dục tại chỗ của địa phương, ngành Giáo dục đã chỉ đạo chọn lựa giáo viên từ những trường tham gia nghiên cứu, thực hành; chú trọng tuyển chọn giáo viên là người dân tộc thiểu số để đào tạo theo địa chỉ; không vì thiếu giáo viên mà đào tạo ồ ạt, làm ảnh hưởng đến chất lượng; kiên trì xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo có năng lực chuyên môn vững vàng thực hiện chương trình nghiên cứu; đồng thời, cũng tạo nên một lực lượng nòng cốt cho ngành Giáo dục.

Các trí thức dân tộc Mông được huy động tham gia nghiên cứu chương trình, biên soạn tài liệu. Giáo viên người Mông trực tiếp đứng lớp triển khai, thực hiện nghiên cứu thực hành.

Tổ bộ môn Tiếng dân tộc được thành lập trong trường Cao đẳng Sư phạm của tỉnh. Tiếng dân tộc đã được đưa vào đào tạo chính quy, bài bản; tạo nguồn cung cấp giáo viên dạy tiếng dân tộc lâu dài cho địa phương (hệ Trung cấp 90 tuần). Tiếng Mông được đưa vào chương trình đào tạo giáo viên tiểu học và mầm non như một học phần. Đồng thời, mở các lớp bồi dưỡng tiếng Mông cho giáo viên tham gia nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ (bồi dưỡng giáo viên dạy tiếng Mông 240 tuần). Kết quả, đã đào tạo được hai khóa, với 50 giáo viên mầm non và 50 giáo viên tiểu học.

2.2. Về công tác bồi dưỡng

Công tác bồi dưỡng hướng tới những giáo viên đang trực tiếp đứng lớp, đã biết đọc và viết tiếng Mông, được tập huấn, hỗ trợ kĩ thuật của các chuyên gia đến từ UNICEF Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Dân tộc - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. Các đợt hỗ trợ kĩ thuật, dự giờ đánh giá chất lượng của các chuyên gia đã giúp giáo viên hiểu sâu về mục tiêu, ý nghĩa của nghiên cứu; nhận thức rõ vai trò và vị trí của bản thân họ trong nghiên cứu; trang bị cho giáo viên những kĩ năng cần thiết trong dạy học song ngữ.

Bên cạnh việc đào tạo chính quy, dài hạn, các lớp bồi dưỡng ngắn hạn hướng tới đội ngũ giáo viên đang trực tiếp đứng lớp, đã biết tiếng Mông, được tổ chức tại chỗ, cấp tốc, vào những ngày nghỉ trong tuần.

Qua bốn năm thực hiện nghiên cứu, đội ngũ cán bộ quản lí và giáo viên tham gia đã thực sự trưởng thành, cả

trong nhận thức và trên thực tiễn. Các giáo viên tham gia chương trình song ngữ được tiếp cận một mô hình giáo dục đặc biệt, trang bị kiến thức về song ngữ, tập huấn và hỗ trợ kĩ thuật từ các chuyên gia có kinh nghiệm trong và ngoài nước. Họ đã và đang làm rất tốt công việc của mình, góp phần thực hiện chiến lược đào tạo nguồn lực con người của Lào Cai.

3. Kết luận

Công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đã góp phần quan trọng đối với sự thành công của nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ ở Lào Cai. Đào tạo và bồi dưỡng không chỉ dừng lại ở thử nghiệm mà khi kết thúc dự án này, Lào Cai đã có một lực lượng cốt cán vững mạnh về lí luận và dày dặn kinh nghiệm dạy học, sẵn sàng cho kế hoạch mở rộng mô hình giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ khi được phê duyệt chính thức.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Lào Cai, *Hội nghị chào mừng Ngày Quốc tế Tiếng mẹ đẻ, Hà Nội, 21/2/ 2013.*

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, *Hội thảo nâng cao chất lượng giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ, Lào Cai, 27/10/2012.*

3. Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Dân tộc - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, *Kinh nghiệm và kết quả "Giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ thông qua nghiên cứu thực hành"; Hà Nội, 21/12/2013.*

SUMMARY

Lao Cai Province determined that the minority education has a particularly important role for socio-economic development. If the quality of minority education is improved, the quality of education in the province will be raised. In the period 2006 - 2012, the People's Committee of Lao Cai has additional solutions to improve the quality of minority education, including research on bilingual education on the basis of mother tongue as central task. So far, Lao Cai has achieved a number of accomplishments, including the remarkable success of the training and retraining of teachers of bilingual education.

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC... (Tiếp theo trang 35)

đào tạo) hoặc mở lớp ngắn hạn bồi dưỡng về phương pháp và kĩ năng nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng phần mềm SPSS ứng dụng trong nghiên cứu khoa học, hội thảo, hội nghị khoa học ở các khoa, ở trường,...; thông qua đổi mới phương pháp giảng dạy các môn học: dạy theo hướng hướng dẫn sinh viên cách học, cách nghiên cứu tiếp cận một vấn đề khoa học;

- Tổ chức các cuộc thi nghiên cứu khoa học theo các môn học, theo các chuyên ngành cho sinh viên. Kết hợp việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên bằng các hình thức khác nhau: tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, làm báo cáo thu hoạch,...

- Đầu tư kinh phí thích đáng cho hoạt động nghiên cứu khoa học, có khuyến khích cộng điểm vào môn học có liên quan trên cơ sở kết quả nghiệm thu đề tài,... nhằm khuyến khích, động viên sinh viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học;

- Sinh viên cần được tạo cơ hội tham gia cộng tác với giảng viên có đề tài nghiên cứu khoa học, các hoạt động nghiên cứu mà họ được tham gia từ đơn giản đến phức tạp như: phát và thu phiếu điều tra, đi phỏng vấn, tham gia thiết kế bảng hỏi, xử lí kết quả điều tra,...

Kết luận

Tóm lại, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên có ý nghĩa to lớn trong đổi mới giáo dục đại học, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Đổi mới hoạt động khoa học và công nghệ để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực về kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội*, Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia, Hà Nội, 01/2010.

2. Vũ Cao Đàm, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2006.

3. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức, *Lí luận dạy học đại học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2009.

4. *Luật Giáo dục*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.

5. Phan Thiệu, *Nghiên cứu khoa học và giáo dục đại học*, Tạp chí Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, số 4/1992.

6. *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.

SUMMARY

On the basis of determining the characteristics of scientific research, the significance of scientific research for students, the author points out a number of limitations in the research activities of students at university. As a result, the author proposes a number of measures to strengthen scientific research activities of students in order to improve the efficiency of research activities and contribute to improving the quality of training human resources for the country in the context of international integration at present.